TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẮK MIL,** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2019/DSST
Ngày: 24/4/2019
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thúy Luân

2. Bà Phạm Thị Hồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Kim Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông *tham gia phiên toà:* Bà Lê Thu Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 122/2018/TLST-DS ngày 03 tháng 12 năm 2018 về việc tranh chấp kiện đòi tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2019/QĐXX-ST ngày 01 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: ông Lê Văn Q

Địa chỉ: khối A, thị trấn Q, huyện C, tỉnh Đ.

- *Bị đơn*: bà Nguyễn Thị P

Địa chỉ: Thôn B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: ông Nguyễn Xuân B

Địa chỉ: Thôn B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn (ông Lê Văn Q) trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa*: Vào năm 2013, ông Q có cho vợ chồng bà P, ông B vay tổng cộng số tiền là 35.000.000 đồng để sửa chữa nhà, cụ thể: ngày 13/01/2013, bà P đã vay ông Q số tiền 15.000.000 đồng, vay không lãi, thời hạn trả nợ là ngày 30/12/2013 và hai bên có viết giấy tay; ngày 19/02/2013 bà P, ông B tiếp tục vay ông Q số tiền 20.000.000 đồng, vay không có lãi, thời hạn trả nợ

là ngày 20/12/2014**.** Khi đến hạn thanh toán, ông Q đã yêu cầu nhiều lần bà P, ông B thanh toán số tiền đã vay nhưng vẫn không thanh toán cho anh; đến ngày 22/11/2015 bà P chỉ trả cho ông Q số tiền 15.000.000 đồng và đến ngày 09/12/2016 bà Phương tiếp tục trả cho ông Q số tiền 5.000.000 đồng. Như vậy, đến ngày 09/12/2016, bà P mới trả cho ông Q được 20.000.000 đồng (tổng cộng 02 lần trả); ông B, bà P còn nợ lại ông Q số tiền 15.000.000 đồng. Ông Q đã nhiều lần yêu cầu ông B, bà P phải có nghĩa vụ trả số tiền 15.000.000 đồng còn lại đã vay nhưng ông B, bà P cố tình không thực hiện. Do đó, ông Q khởi kiện yêu cầu bà P, ông B phải trả cho anh số tiền còn nợ là 15.000.000 đồng đã vay, không yêu cầu trả lãi.

- *Theo lời khai của bị đơn (bà Nguyễn Thị P) trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa*: Bà P thừa nhận vợ chồng bà có vay của ông Q 02 lần với tổng số tiền 35.000.000 đồng với mục đích để sửa nhà và chi tiêu cho gia đình. Tuy nhiên bà cho rằng bà đã trả nợ hết số tiền trên cho ông Q, cụ thể: ngày 22/11/2015, bà trả cho ông Q số tiền 15.000.000 đồng (có giấy nhận tiền và có chữ ký của ông Q); ngày 09/12/2016, bà trả cho ông Q số tiền 5.000.000 đồng (có giấy nhận tiền và có chữ ký của ông Q) và đầu năm 2017 bà tiếp tục trả cho ông Q số tiền 15.000.000 đồng (lần này thì không viết giấy biên nhận đã trả tiền nhưng bà có ghi ra 01 tờ lịch khấu trừ 07 chỉ vàng mà trước đây ông Q đã mượn của bà)**,** tổng cộng bà đã trả cho ông Q số tiền là 35.000.000 đồng đã vay. Nay, ông Q cho rằng bà và ông B còn nợ số tiền 15.000.000 đồng đã vay và yêu cầu bà, ông B thanh toán số tiền này, bà không đồng ý.

Theo ý kiến trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (ông Nguyễn Xuân B) trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa: ông B thừa nhận ông và bà P có vay của ông Q 02 lần với tổng số tiền 35.000.000 đồng với mục đích để sửa nhà và chi tiêu cho gia định. Tuy nhiên ông cho rằng ông và bà P đã trả nợ hết số tiền trên cho ông Q, cụ thể: ngày 22/11/2015 trả cho ông Q số tiền 15.000.000 đồng (có giấy nhận tiền và có chữ ký của ông Q); ngày 09/12/2016 trả cho ông Q số tiền 5.000.000 đồng (có giấy nhận tiền và có chữ ký của ông Q) và đầu năm 2017 tiếp tục trả cho ông Q số tiền 15.000.000 đồng (lần này thì vợ chồng ông không viết giấy biên nhận trả tiền nhưng bà P có ghi ra 01 tờ lịch khấu trừ 07 chỉ vàng mà trước đây ông Q đã mượn của ông bà)**,** tổng cộng ông bà đã trả cho ông Q số tiền là 35.000.000 đồng đã vay. Nay, ông Q cho rằng vợ chồng ông bà còn nợ số tiền 15.000.000 đồng đã vay và yêu cầu thanh toán số tiền này, ông không đồng ý.

Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn giữ nguyên quan điểm của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tham gia phiên toà xác định việc tuân thủ theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm đều tuân thủ trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các quy định của Bộ luật dân sự năm 2005, Bộ luật dân sự năm 2015, Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc bà Nguyễn Thị P (bị đơn) và ông Nguyễn Xuân B (người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) phải liên đới trả cho ông Lê Văn Q (nguyên đơn) số tiền 15.000.000 đồng *(Mười lăm triệu đồng)* đã vay.

- Về án phí: bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

[1]Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngày 22/11/2018, Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil nhận được đơn khởi kiện của ông Lê Văn Q (nguyên đơn) khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị P phải trả số tiền 15.000.000 đồng đã vay vào năm 2013, thời hạn trả nợ năm 2013 và năm 2014; khi Tòa án thụ lý vụ án do xác định đã hết thời hiệu khởi kiện nên đã xác định đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về kiện đòi lại tài sản. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, qua xem xét các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ và lời khai của các đương sự đã xác định: mặc dù các đương sự có vay tài sản từ năm 2013, thời hạn trả nợ là năm 2013 và năm 2014 nhưng đến ngày 22/11/2015 bị đơn đã trả cho nguyên đơn số tiền 15.000.000 đồng và đến ngày 09/12/2016 thì bị đơn tiếp tục trả cho nguyên đơn số tiền 5.000.000 đồng nên cần căn cứ vào Điều 157, Điều 429 và Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015 để xác định thời hiệu khởi kiện và trong trường hợp này vẫn còn thời hiệu khởi kiện nên phải xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]Về thẩm quyền giải quyết: bị đơn (bà Nguyễn Thị Phương) có địa chỉ hộ khẩu và thường trú tại thôn B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ nên tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2. Xét nội dung yêu cầu khởi kiện:

[3] Căn cứ vào chứng cứ do nguyên đơn giao nộp tại Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil là bản gốc giấy nhận nợ đề ngày 13/01/2013 có thể hiện bà Nguyễn Thị P vay của ông Lê Văn Q số tiền là 15.000.000 đồng *(Mười lăm triệu đồng)*. Bản gốc giấy nhận nợ đề ngày 19/02/2013 có thể hiện bà Nguyễn Thị P, ông Nguyễn Xuân B vay của ông Lê Văn Q số tiền là 20.000.000 đồng *(Hai mươi triệu đồng)*.

[4]Xét giấy nhận nợ giữa ông Q với bà P và ông B là giấy viết tay do chính bà P và ông B trực tiếp viết và được hai bên thừa nhận là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên Tòa án công nhận giấy vay tiền trên

giữa ông Q với bà P và ông B là có thật và hợp pháp. Về nội dung các bên thỏa thuận là phù hợp với các quy định của pháp luật về hợp đồng vay tài sản và hợp đồng dân sự.

Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2005 quy định: *"Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định"*.

[5]Căn cứ vào nội dung thỏa thuận giữa ông Q với bà P và ông B thì đối với số tiền 15.000.000 đồng mà bà P và ông B đã vay vào ngày 13/01/2013 thì bà P và ông B phải có nghĩa vụ trả nợ vào ngày 30/12/2013; đối với số tiền 20.000.000 đồng mà bà P và ông B đã vay vào ngày 19/02/2013 thì bà P và ông B phải có nghĩa vụ trả nợ vào ngày 20/12/2014. Tuy nhiên, sau nhiều lần yêu cầu nhưng bà P và ông B chỉ mới trả cho ông Q được số tiền 20.000.000 đồng còn nợ lại số tiền 15.000.000 đồng. Việc bà P, ông B không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng hẹn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay được quy định tại khoản 1 Điều 474 của Bộ luật dân sự đó là: *"Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; ..."*.

[6]Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa thì bà P, ông B thừa nhận có vay của ông Q số tiền 35.000.000 đồng và ông, bà cho rằng đã trả đủ số tiền trên cho ông Q. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ khẳng định giữa bà P, ông B và ông Q có phát sinh quan hệ vay tài sản (tiền).

[7]Hội đồng xét xử, xét thấy bà P và ông B cho rằng vào ngày 25/11/1997 thì ông Q có vay của bà 07 chỉ vàng (bà Phương, ông B không có yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập đối với nội dung này) nên đối với số tiền bà còn nợ là 15.000.000 đồng thì vào ngày 30/7/2017 bà đã trừ nợ cho ông Q, khi trừ nợ số tiền 15.000.000 đồng cho ông Q thì bà có tự viết giấy tay (vào tờ lịch) và không có chữ ký hay xác nhận của ông Q đối với số tiền này. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Q không thừa nhận vay của bà P 07 chỉ vàng và giấy trừ nợ mà bà P cung cấp cho Tòa án cũng không có chữ ký, cũng như xác nhận của ông Q đối với số tiền này. Bà P, ông B cũng không có chứng cứ, hay giấy tờ nào chứng minh về việc mình đã trả nợ số tiền 15.000.000 đồng còn lại cho ông Q. Do đó không có căn cứ để xác định việc bà P, ông B đã trả cho ông Q số tiền 15.000.000 đồng còn lại.

Khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định: "Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì phải chịu hậu quả của việc không chứng minh được hoặc chứng minh không đầy đủ đó".

Do việc vay mượn của bà Nguyễn Thị P sử dụng vào mục đích sinh hoạt gia đình, trong quá trình làm việc tại Tòa án ông Nguyễn Xuân B cũng thừa nhận có vay tiền của ông Q để sửa chữa nhà và chi tiêu trong gia đình, do đó cần buộc ông Nguyễn Xuân B phải có nghĩa vụ trả nợ cho ông Lê Văn Q là phù hợp.

[8]Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn Q yêu cầu bà Nguyễn Thị P và ông Nguyễn Xuân B phải trả số tiền 15.000.000 đồng là có căn cứ nên cần chấp nhận.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn (ông Lê Văn Q) được chấp nhận nên bị đơn (bà Nguyễn Thị P) và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (ông Nguyễn Xuân B) phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (15.000.000 đồng x 5% =750.000 đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 305, Điều 471, Điều 474 của Bộ luật dân sự 2005; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn Q về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

1. Buộc bà Nguyễn Thị P và ông Nguyễn Xuân B phải liên đới trả cho ông Lê Văn Q số tiền 15.000.000 đồng *(Mười lăm triệu đồng)* đã vay.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị P và ông Nguyễn Xuân B phải chịu 750.000 đồng *(Bảy trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho ông Lê Văn Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 375.000 đồng *(Ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng)* theo biên lai số 0003260 ngày 30 tháng 11 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đăk Mil, tỉnh Đắk Nông.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo

quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014, Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự, được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Mil (02);
- Chi Cục THADS huyện Đl;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Trung Dũng